

Nghiên cứu học sinh người dân tộc thiểu số cấp Trung học cơ sở bỏ học: Thực trạng và giải pháp

Trần Thị Yên

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam
Email: yenttdt@gmail.com

TÓM TẮT: Nghiên cứu học sinh người dân tộc thiểu số cấp Trung học cơ sở bỏ học là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cung cấp những căn cứ khoa học và thực tiễn làm cơ sở để xuất các giải pháp, đưa ra các kiến nghị đối với Chính phủ, Bộ/ngành và các địa phương nhằm giảm thiểu tình trạng bỏ học của học sinh trung học cơ sở người dân tộc thiểu số, góp phần hoàn thành mục tiêu nâng cao trình độ dân trí, tạo nguồn đào tạo nhân lực có chất lượng người dân tộc thiểu số.

TỪ KHÓA: Dân tộc thiểu số; Trung học cơ sở; bỏ học.

→ Nhận bài 13/03/2020 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/03/2020 → Duyệt đăng 25/03/2020.

1. Đặt vấn đề

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, để phát triển bền vững kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi thì đồng bào các dân tộc anh em có vai trò quyết định và là chủ thể của quá trình phát triển bền vững ở những vùng này. Vì vậy, phát huy nội lực của cộng đồng các DTTS để phát triển là nhu cầu tất yếu và là nhân tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững ở vùng DTTS và miền núi.

Thực tế ở vùng DTTS và miền núi hiện nay, mặc dù giáo dục trung học cơ sở (THCS) đã đạt phổ cập giáo dục và đang dần đạt tới phổ cập THCS đúng độ tuổi, chất lượng giáo dục được cải thiện và nâng cao nhưng ở mỗi địa phương, mỗi vùng kinh tế - xã hội khác nhau ở vùng DTTS và miền núi vẫn tồn tại tình trạng học sinh (HS) nói chung, HS THCS người DTTS nói riêng bỏ học. Tồn tại này diễn ra ở tất cả các khối/ lớp và đang có xu hướng tăng lên mặt khác tình trạng bỏ học tập trung chủ yếu ở một số DTTS (tộc người). Vì vậy, vấn đề đặt ra cần nghiên cứu thực trạng tình hình HS THCS người DTTS bỏ học, xác định rõ nguyên nhân để từ đó có những giải pháp giảm thiểu và khắc phục tình trạng bỏ học, hoàn thành mục tiêu nâng cao trình độ dân trí, tạo nguồn đào

tạo nhân lực có chất lượng người DTTS. Bài viết này sẽ tập trung phân tích HS người DTTS cấp THCS bỏ học trong giai đoạn 2016-2019.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng học sinh dân tộc thiểu số trung học cơ sở bỏ học

Kết quả nghiên cứu trong 3 năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, quy mô trường, lớp THCS trong toàn quốc giảm (các địa phương đang thực hiện quy hoạch hệ thống), quy mô HS tăng (xem Bảng 1).

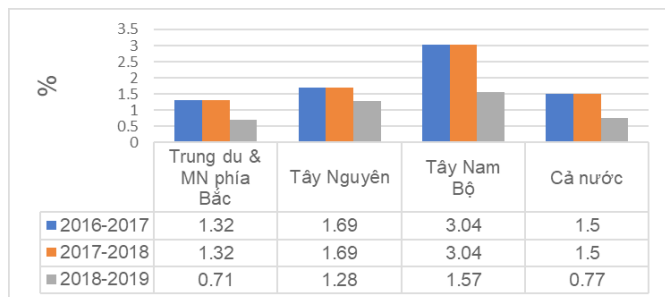
Hiện tượng HS THCS bỏ học có sự khác nhau giữa các vùng kinh tế - xã hội, vùng DTTS và miền núi có tỉ lệ HS bỏ học cao hơn vùng đồng bằng và đô thị. Tỉ lệ HS THCS bỏ học xu hướng giảm, tỉ lệ HS hoàn thành chương trình THCS tăng lên. Với vùng DTTS và miền núi còn có sự chênh lệch khá lớn về tỉ lệ HS bỏ học. Trung du và miền núi phía Bắc có tỉ lệ bỏ học thấp hơn tỉ lệ chung của cả nước; Tây Nam Bộ và Tây Nguyên tỉ lệ bỏ học cao hơn tỉ lệ chung (xem Biểu đồ 1).

HS THCS ở vùng DTTS và HS người DTTS bỏ học với số lượng đáng kể và khác nhau ở trên tất cả các khía cạnh, như: giới tính, khối lớp, dân tộc (tộc người) và điều kiện kinh tế xã hội.

Bảng 1: Tổng hợp trường, lớp, HS THCS toàn quốc giai đoạn 2016-2019

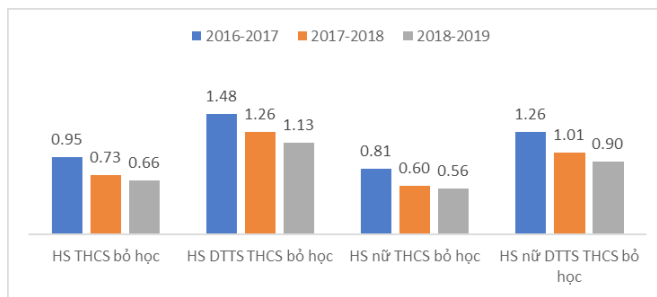
Năm học	Trường THCS			Lớp			HS (SL)
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập	
2016 - 2017	10.928	10.837	55	151.669	149.662	2.047	5.235.524
2017 - 2018	10.939	10.887	52	153.582	151.380	2.202	5.373.639
2018 - 2019	10.898	10.848	50	151.684	149.380	2.304	5.411.479

(Nguồn: Bộ GD&ĐT, tháng 11 năm 2019, bao gồm cả trường nhiều cấp).



(Nguồn: Bộ GD&ĐT, tháng 11 năm 2019)

Biểu đồ 1: Tỷ lệ HS THCS bỏ học năm 2016 - 2019



(Nguồn: Báo cáo của UBND 32 tỉnh vùng DTTS và miền núi, tháng 11 năm 2019 (Báo cáo Hội đồng Dân tộc Quốc hội))

Biểu đồ 2: Tỷ lệ HS THCS ở vùng DTTS và miền núi bỏ học

Bảng 2: Tổng hợp HS THCS ở vùng DTTS bỏ học

Năm học	HS THCS		HS THCS bỏ học		HS THCS DTTS		HS THCS DTTS bỏ học	
	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ
2016-2017	1.914.238	921.452	18.151	7.470	650.818	312.551	9.662	3.935
2017-2018	1.968.378	942.107	14.350	5.650	678.120	324.650	8.560	3.264
2018-2019	2.006.189	967.496	13.224	5.444	693.249	333.759	7.823	2.991

(Nguồn: Báo cáo của UBND 32 tỉnh vùng DTTS và miền núi, tháng 11 năm 2019 (Báo cáo Hội đồng Dân tộc Quốc hội))

Bảng 3: Tổng hợp theo khối lớp số lượng HS THCS người DTTS bỏ học

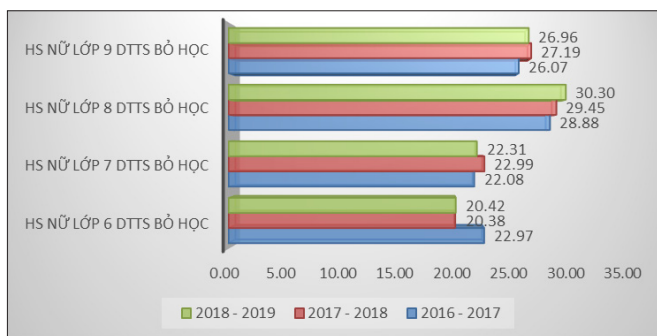
Năm học	HS-THCS-DTTS bỏ học		Theo khối lớp							
			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ
2016 - 2017	8.817	3.487	2.063	801	2.090	770	2.500	1.007	2.164	909
2017 - 2018	7.706	3.141	1.687	640	1.844	722	2.226	925	1.949	854
2018 - 2019	7.276	2.967	1.610	606	1.694	662	2.056	899	1.916	800

(Nguồn: Báo cáo của UBND 32 tỉnh vùng DTTS và miền núi, tháng 11 năm 2019 (Báo cáo Hội đồng Dân tộc Quốc hội))

- Về giới tính, thông tin từ Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh vùng DTTS và miền núi cho thấy, số lượng HS DTTS bỏ học chiếm tỉ lệ cao, trong đó HS nam bỏ học nhiều hơn HS nữ (xem Bảng 2).

Tỉ lệ HS THCS vùng DTTS bỏ học đang có xu hướng giảm dần: 0,95% (2016-2017) và 0,66% (2018-2019). HS DTTS bỏ học chiếm tỉ lệ cao hơn: 1,48% (2016-2017); 1,13% (2018-2019) và cũng theo xu hướng giảm dần như cả vùng. Về giới tính, tỉ lệ HS nữ bỏ học thấp hơn HS nam ở vùng DTTS nói chung và HS nữ DTTS nói riêng. Xu hướng bỏ học của HS nữ DTTS đang giảm dần: 3.935 HS (1,26%) năm 2016-2017 và 2.991 HS (0,90%) năm 2018-2019 (xem Biểu đồ 2).

- Theo khối lớp, số lượng HS DTTS bỏ học tăng dần từ lớp đầu cấp (lớp 6) đến lớp cuối cấp (lớp 9), trong đó lớp 8 có tỉ lệ HS bỏ học cao nhất và điều này diễn ra đối với cả HS nam và HS nữ. Nếu xét riêng từng khối lớp thì tỉ lệ



(Nguồn: Báo cáo của UBND 32 tỉnh vùng DTTS và miền núi, tháng 11 năm 2019 (Báo cáo Hội đồng Dân tộc Quốc hội))

Biểu đồ 3: Tỷ lệ (%) HS THCS người DTTS bỏ học theo giới tính

HS DTTS bỏ học đang giảm dần từ năm học 2016-2017 đến năm học 2018-2019 (xem Bảng 3 và Biểu đồ 3).

- Theo dân tộc (tộc người), hầu hết các dân tộc đều có

HS bỏ học. Song dân tộc có số lượng HS bỏ học cao (trên 10 HS/năm học) tập trung vào 23/53 dân tộc, các tỉnh miền núi phía Bắc gồm các dân tộc: Mông, Dao, Nùng, Tày, Mường, Thái...; các tỉnh Tây Nguyên gồm các dân tộc Xê Đăng, Jrai, Ê Đê, M'Nông...; các tỉnh duyên hải miền Trung gồm các dân tộc: Chăm, Raglai, Vân Kiều...; các tỉnh Tây Nam Bộ gồm các dân tộc Khmer, Chăm... Mặt khác, cùng một dân tộc (tộc người) ở những vùng kinh tế - xã hội khác nhau thì tỉ lệ bỏ học khác nhau, dân tộc Mông ở Hà Giang bỏ học nhiều, dân tộc Mông ở Thanh Hóa bỏ học ít. Như vậy, khái quát thực trạng HS THCS người DTTS bỏ học giai đoạn 2016 - 2019 như sau:

- Quá trình phát triển GD&ĐT ở vùng DTTS và miền núi còn tồn tại hiện tượng HS THCS nói chung, HS THCS người DTTS nói riêng bỏ học (không hoàn thành được chương trình THCS).

- Tỉ lệ HS THCS người DTTS bỏ học đang giảm dần, từ 1,48% năm 2016-2017 xuống 1,13% năm 2018-2019 (về số lượng giảm từ 9.662 HS còn 7.823 HS). Giữa các vùng, miền, tỉ lệ HS bỏ học có khác nhau: Trung du và miền núi phía Bắc có tỉ lệ bỏ học thấp (thấp hơn tỉ lệ của cả nước); Tây Nam Bộ, Tây Nguyên có tỉ lệ bỏ học cao (cao hơn tỉ lệ của cả nước).

- Trong số HS THCS người DTTS bỏ học, HS nữ bỏ học ít hơn HS nam. Tất cả các khối lớp (lớp 6 đến lớp 9) đều có HS bỏ học, trong đó: HS lớp 6, 7 tỉ lệ bỏ học thấp, HS lớp 8, 9 tỉ lệ bỏ học cao. Trong từng khối lớp (lớp 6/ lớp 7/ lớp 8/ lớp 9) tỉ lệ bỏ học giảm dần (từ năm học 2016-2017 đến 2018-2019).

- Tất cả các DTTS (53 dân tộc) đều có HS THCS bỏ học và tỉ lệ HS bỏ học khác nhau giữa các dân tộc (tộc người) và cũng khác nhau trong cùng một dân tộc nhưng định cư ở vùng kinh tế - xã hội khác nhau.

2.2. Nguyên nhân học sinh dân tộc thiểu số cấp Trung học cơ sở bỏ học

Từ thực trạng và kết quả thăm dò ý kiến của cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), cộng đồng và báo cáo của các tỉnh, có thể thấy nguyên nhân HS người DTTS cấp THCS bỏ học, đó là: Hiện tượng HS bỏ học là một kết quả (hạn chế) của quá trình giáo dục, kết quả này do nhiều nguyên nhân khác nhau. Có thể khái quát thành các nhóm nguyên nhân sau: Nguyên nhân từ phía HS (chủ thể); nguyên nhân từ phía nhà trường; nguyên nhân từ phía gia đình - xã hội; Nguyên nhân từ phía chính sách dân tộc, chính sách giáo dục dân tộc (chính sách đặc thù). Hiện tượng HS THCS người DTTS bỏ học có thể lý giải như sau:

- *Hiện tượng HS THCS bỏ học*: Điều này hoàn toàn ngẫu nhiên, trong quá trình giáo dục với nhiều nguyên nhân khác nhau luôn có tỉ lệ nhất định HS bỏ học. Có thể HS bỏ học vì lí do bất khả kháng như ốm đau, gia đình

có hoàn cảnh đặc biệt, hay do những lí do chủ quan HS tự bỏ, hoặc tác động từ bố mẹ đã buộc các em bỏ học ở nhà lao động giúp gia đình hoặc lấy vợ lấy chồng... Do vậy, dù là nguyên nhân từ nhóm nào đều cần có giải pháp hỗ trợ phù hợp để giảm tỉ lệ bỏ học, giúp các em hoàn thành chương trình THCS để các em có thể tham gia thị trường lao động với trình độ THCS - trình độ phổ cập (Luật Giáo dục, 2019).

- *Tỉ lệ HS THCS bỏ học giảm*: Tỉ lệ HS bỏ học giảm đồng nghĩa với tỉ lệ HS hoàn thành chương trình THCS tăng lên: *Thứ nhất*, có thể khẳng định phần lớn HS DTTS đã có nhận thức đúng về động cơ học, tinh thần, thái độ học tập. HS trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) nói: “Em cố gắng học để sau này về quê làm du lịch - Trích phỏng vấn HS qua nghiên cứu điển hình”; phụ huynh HS nhận thức được sự cần thiết đảm bảo việc học cho con em họ. Một phụ huynh DTTS nói với hiệu trưởng trường PTDTBT “Tôi phải đi lao động xa (Trung Quốc) cuối năm mới về, cho tôi gửi cháu với thầy và nhà trường) - Trích phỏng vấn cha mẹ HS qua nghiên cứu điển hình”; *Thứ hai*, ngành Giáo dục và các địa phương quản lí, chỉ đạo thực hiện tốt chương trình, kế hoạch giáo dục; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của HS; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và thực hiện tốt phân luồng HS sau THCS; tổ chức tốt đời sống nội trú cho HS trường PTDTBT, phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT); *Thứ ba*, hệ thống trường lớp được củng cố, hoàn thiện về mọi mặt. Đặc biệt là hệ thống trường PTDTBT, trường PTDTNT phát huy tác dụng và hiệu quả, có vai trò quan trọng đảm bảo đủ điều kiện cho mọi trẻ em DTTS được đến trường, duy trì kết quả phổ cập giáo dục THCS; *Thứ tư*, chế độ chính sách đối với HS trường PTDTBT, trường PTDTNT; chính sách đối với HS bán trú, dân tộc rất ít người... được các địa phương thực hiện đúng, đủ, kịp thời, là động lực giúp cho HS DTTS đến trường và hoàn thành chương trình THCS.

- *Vùng Trung du và miền núi phía Bắc tỉ lệ HS bỏ học thấp; Tây Nam Bộ, Tây nguyên tỉ lệ HS bỏ học cao*: Điều này là những vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn song sự phát triển giáo dục các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc nhanh, toàn diện hơn so với Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Điều này có nguyên nhân cơ bản quyết định cho sự phát triển giáo dục THCS ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là đội ngũ CBQL các trường hệ THCS, sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và xã hội ở địa phương.

- *HS nữ bỏ học ít hơn HS nam*. Nếu đi học đúng tuổi thì HS THCS có độ tuổi từ 11-14. Ở độ tuổi này, các em phát triển về thể chất. Các em nam có thể tham gia lao động cùng với người lớn. Các em có thể đi theo người lớn (cha mẹ, đàn anh,...) về thành phố (các tỉnh phía Nam), sang

Trung Quốc (các tỉnh phía Bắc) để lao động kiếm tiền đáp ứng nhu cầu chi tiêu cá nhân, hoặc phụ giúp gia đình.

- *Tỉ lệ HS bỏ học khác nhau giữa các dân tộc và cũng khác nhau trong cùng một dân tộc nhưng định cư ở vùng kinh tế - xã hội khác nhau*: Các tỉnh miền núi phía Bắc HS dân tộc Mông, Dao (Bắc Kạn, Lai Châu, Hà Giang...); dân tộc Tày, Nùng (Lạng Sơn, Cao Bằng); dân tộc Bahnar, Jrai, Ê Đê (Tây Nguyên); dân tộc Khmer (Tây Nam bộ); dân tộc Chăm, Raglai (miền Trung),... Như vậy, nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nhu cầu mưu sinh lớn dẫn tới nhận thức về việc học hạn chế cho con em nghỉ học tham gia giải quyết nhu cầu sinh kế cùng gia đình hoặc lấy vợ, chồng sớm.

2.3. Giải pháp khắc phục tình trạng học sinh dân tộc thiểu số trung học cơ sở bỏ học

Từ nghiên cứu thực trạng, nguyên nhân và kết quả thăm dò về các ý kiến của CBQL, GV và thông tin từ báo cáo của UBND các tỉnh có thể khái quát những giải pháp mang tính định hướng nhằm giảm thiểu hiện tượng HS DTTS bỏ học:

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo chặt chẽ của chính quyền các cấp. Đặc biệt là sự nỗ lực của ban chỉ đạo phổ cập các cấp từ tỉnh, huyện, xã và sự phối hợp tốt giữa các ban ngành đoàn thể trong việc vận động HS đến trường, kiểm tra, khảo sát thường xuyên tình hình học tập thực tế của HS trên địa bàn dân cư. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức trách nhiệm của từng người dân và cộng đồng dân cư trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục, vận động, nâng cao nhận thức cho phụ huynh HS về tầm quan trọng của việc học và tạo điều kiện cho các em học tập thật tốt, về việc giáo dục con cái, góp phần hạn chế tình trạng bỏ học của HS.

- Các nhà trường, nhất là các trường PTDTNT, bán trú, trường có HS DTTS theo học cần nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của HS, nhất là HS có học lực yếu, kém, HS cá biệt để có biện pháp động viên, bồi dưỡng, giúp đỡ các em kịp thời. Kết hợp với gia đình để tìm ra những nguyên nhân của từng tình hình cụ thể để có thể giáo dục và ngăn chặn kịp thời tình trạng HS bỏ học. Đổi mới phương pháp dạy học, chú ý vận dụng các phương pháp giáo dục đặc thù với đối tượng HS người DTTS và HS ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Những vùng có đủ điều kiện, tiếp tục thực hiện giáo dục song ngữ ở tiểu học tạo nền tảng về chất lượng giáo dục cho cấp học cao hơn (THCS và Trung học phổ thông); Đẩy mạnh giáo dục văn hóa dân tộc và tri thức địa phương nhằm phát triển toàn diện về năng lực, phẩm chất và nhân cách HS người DTTS chuẩn bị nguồn lao động có chất lượng phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi.

- Huy động các nguồn và ưu tiên các nguồn lực tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học,

trang thiết bị dạy học cho các trường vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, nhất là hệ thống các trường PTDTBT và trường có HS bán trú.

- Chính quyền địa phương cần phối hợp với các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, công ti hiện có trên địa phương mở nhiều lớp đào tạo nghề phù hợp với khả năng của HS DTTS, phối hợp với các công ti, đơn vị tuyển dụng cho HS, sinh viên sau khi tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học, trường nghề có việc làm ổn định.

- Kịp thời tháo gỡ những khó khăn đối với dân di cư tự do trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, Miền núi phía Bắc chưa có hộ khẩu nhưng đã sinh sống lâu dài, đang chờ cấp hộ khẩu để HS con em các hộ này được hưởng chính sách.

- Tăng cường công tác quản lý lao động là người DTTS đi lao động ở nước ngoài bất hợp pháp ở các tỉnh miền núi phía Bắc (lao động “chui” sang Trung Quốc).

- Thực hiện nghiêm túc, đúng, đủ, kịp thời các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ HS và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Đối chiếu, rà soát việc thực hiện các chỉ số phát triển bền vững giáo dục và đào tạo (mục tiêu phát triển bền vững - SDG4) vùng DTTS và miền núi kịp thời có giải pháp đẩy nhanh tiến độ đáp ứng mục tiêu đã đề ra.

2.4. Một số kiến nghị

a. Đối với Chính phủ

- Cân đối nguồn lực để thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 (thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020), trong đó có cơ chế, chính sách đầu tư hợp lý đối với mục tiêu đầu tư cơ sở vật chất Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ GV giai đoạn 2016 - 2020.

- Khẩn trương xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, gồm 10 dự án, trong đó có dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

b. Đối với Bộ/ngành

Cần có cơ chế, chính sách cho HS DTTS, HS vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đó là:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

- Ban hành Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường PTDTBT và trường phổ thông có HS bán trú giai đoạn

2018 - 2025 sửa đổi, bổ sung một số chính sách hỗ trợ HS bán trú và trường PTDTBT quy định trong Nghị định 116/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

- Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nội dung Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo “Hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với HS các trường PTDTNT và các trường dự bị đại học dân tộc” vì những bất cập không phù hợp với thực tế hiện nay.

- Năm học 2020 - 2021, bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của HS là cơ hội để nâng cao nhận thức, hình thành động cơ và thái độ học tập đúng đắn cho HS DTTS là giải pháp tốt nhất để giảm thiểu tình trạng bỏ học. Vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chỉ đạo, hướng dẫn địa phương vùng DTTS và miền núi nghiên cứu lựa chọn, sử dụng những giải pháp giáo dục phù hợp (ngôn ngữ, văn hóa và vùng miền) với đối tượng HS DTTS.

c. Đối với địa phương

- Trong thời gian chờ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chính sách mới đối với HS DTTS và các đối tượng có liên quan tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời những chính sách hiện hành. Đồng thời, dựa vào nguồn lực của địa phương xây dựng ban hành chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục tại địa phương.

- Cấp ủy, chính quyền và ngành Giáo dục các địa

phương vùng DTTS và miền núi trong quá trình chỉ đạo, thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục cần đặc biệt quan tâm tới công tác truyền thông để nâng cao nhận thức pháp luật của cộng đồng, cha mẹ HS về quyền trẻ em, quyền được học tập của trẻ em. Đặc biệt là đối với HS DTTS - là chủ thể của quá trình giáo dục. Do vậy, các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục phải giúp HS nâng cao nhận thức về động cơ, tinh thần, thái độ trong học tập.

3. Kết luận

Hiện tượng HS bỏ học nói chung, HS người DTTS cấp THCS nói riêng là nhiệm vụ quan trọng không chỉ chỉ ngành Giáo dục mà cả hệ thống chính trị và xã hội cần quan tâm hơn trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới (2018). Bởi đây chính là nguồn nhân lực - là chủ thể - là nội lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi. Do vậy, cần có cơ chế, chính sách cho HS người DTTS, HS vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trong đó tập trung vào những vấn đề ưu tiên chủ yếu như học phí; trường/lớp; chương trình, nội dung, phương pháp,... phù hợp với đặc thù HS người DTTS sinh sống và học tập tại vùng DTTS và miền núi. Có như vậy, mới giảm thiểu được tình trạng HS người DTTS bỏ học đồng nghĩa với việc giảm thiểu được hệ lụy kéo theo khi HS người DTTS bỏ học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hà Đức Đà, (2019), *Phân luồng sau Trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số*, Ki yếu Hội nghị tổng kết nghị quyết 24/NQ- TW về công tác dân tộc.
- [2] Hà Đức Đà (đồng tác giả), (2018), *Đổi mới chế độ cử tuyển đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tại chỗ người dân tộc thiểu số* - Tạp chí Giáo dục, tháng 4 năm 2018.
- [3] Trần Thị Yên (đồng tác giả), (2018), *Chính sách cử tuyển những vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực thi* - Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 02 tháng 2 năm 2018.
- [4] Trần Thị Yên, (2018), *Phát triển giáo dục dân tộc trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0*, Ki yếu hội thảo Quốc tế, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, tháng 02 năm 2018.
- [5] Trần Thị Yên (đồng tác giả), (2019), *Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ em người dân tộc thiểu số trong giáo dục: Những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 17, tháng 5 năm 2019.

RESEARCHING ON ETHNIC MINORITY STUDENTS AT SECONDARY SCHOOL LEVEL DROPPING OUT OF SCHOOL: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Tran Thi Yen

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao street,
Hoan Kiem district, Hanoi, Vietnam
Email: yenttdt@gmail.com

ABSTRACT: *Researching on ethnic minority students at secondary school level dropping out of school is one of the important tasks, which provide a scientific and practical basis to propose solutions, give out the petitions to the Government, Ministry and localities in order to minimize the drop-out rate of the ethnic minority secondary school students, contributing to achieving the goal of improving the intellectual level of the people and developing high quality human resources for ethnic minority.*

KEYWORDS: Ethnic minorities; secondary school; dropping-out of school.